

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Phạm Sơn Điền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 166/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 248/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Số nhà 482, ấp Phú Hậu, xã Phú Thọ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/4/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Về hôn nhân tôi với anh Nguyễn Xuân T do người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý, tôi với anh T tổ chức lễ cưới vào năm 2002, chúng tôi đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 109, quyển số 01 ngày 24/9/2004. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người thường

xuyên cãi nhau, tính tình không hợp. Tôi với anh T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2006 cho đến nay. Tình cảm của tôi đối với anh T không còn, yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, tôi và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 14/4/2003, hiện con đang sống với tôi, khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi với anh T không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do;

*Biên bản xác minh ngày 17/7/2020 của bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột anh Nguyễn Xuân T cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị H với anh T thể hiện:* Chị H với anh T do người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý hai người cưới nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa vào năm 2004, sau khi cưới nhau thì hai người sống hạnh phúc bên gia đình chị H, sống khoảng 06 năm thì chị H làm ra nợ, vợ chồng cự cãi nhau đến năm 2008 thì anh T về sống chung với bà L. Đến năm 2009 thì cha chị H mời vợ chồng bà L đến chứng kiến cho chị H với anh T làm giấy tay ly hôn nhau, kể từ đó giữa chị H với anh T không còn sống chung cho đến nay. Theo bà L thì tình cảm hai người không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cho hai người ly hôn là hợp lý.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh T vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 17/7/2020 của bà Nguyễn Thị L, biên bản xác minh của Công an xã Vĩnh Hòa ngày 24/7/2020, biên bản không lấy được lời khai của anh T ngày 17/7/2020, biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thanh S ngày 23/6/2020.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu, anh T vắng mặt,

Chị H xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh T không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2006 giữa chị H với anh T có phát sinh mâu thuẫn. Chị H với anh T đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H với anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 14/4/2003 hiện cháu đang sống với chị H, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào quyền lợi và điều kiện môi trường tốt, đề nghị giao cháu Nguyễn Thanh S cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thúy H khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Xuân T vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

#### *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyền số 01 ngày 24/9/2004. Xét, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Chị H khai, quá trình chung sống chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp thường cự cãi nhau, đời sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Hai người không còn sống chung từ năm 2006 đến nay. Tình cảm của chị H đối với anh T không còn, yêu cầu ly hôn với anh T.

*Biên bản xác minh ngày 17/7/2020 của bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột anh Nguyễn Xuân T cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị H với anh T thể hiện:* Chị H với anh T do người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý hai người cưới nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa vào năm 2004, sau khi cưới nhau thì hai người sống hạnh phúc bên gia đình chị H, sống

khoảng 06 năm thì chị H làm ra nợ, vợ chồng cự cãi nhau đến năm 2008 thì anh T về sống chung với bà L. Đến năm 2009 thì cha chị H mời vợ chồng bà L đến chứng kiến cho chị H với anh T làm giấy tay ly hôn nhau, kể từ đó giữa chị H với anh T không còn sống chung cho đến nay. Theo bà L thì tình cảm hai người không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cho hai người ly hôn là hợp lý.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị H với anh T có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị H với anh T đã sống xa cách nhau từ năm 2006 đến nay.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị H ly hôn đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị H với anh T, trong thời kỳ hôn nhân hai người có 01 con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 14/4/2003 đang sống cùng với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu Nguyễn Thanh S muốn được sống với chị H.

Xét, giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 14/4/2003 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của chị H mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai giữa chị với anh T không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T với chị H có tài sản, nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí

sang theo biên lai thu số 0001336 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Xuân T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T;

Giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyền số 01 ngày 24/9/2004 do UBND xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Thúy H với anh Nguyễn Xuân T không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh S, sinh ngày 14/4/2003 cho chị Nguyễn Thị Thúy H nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của chị H mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Thúy H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Xuân T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh Nguyễn Xuân T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh T với chị H có tài sản, nợ chung thì anh T vẫn có quyền khởi kiện chị H ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001336 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Xuân T không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Thúy H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Vĩnh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thế Minh**